10. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ tháng 01-2013

Đơn vị tính: **%**

	Chỉ số giá tháng báo cáo so với:			
	Kỳ gốc 2009	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	**148,14**	**106,27**	**100,56**	**100,56**
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	154,01	102,39	101,13	101,13
Trong đó:				
Lương thực	147,97	96,35	100,33	100,33
Thực phẩm	153,76	101,38	101,14	101,14
Ăn uống ngoài gia đình	163,07	115,27	102,04	102,04
Đồ uống và thuốc lá	144,54	106,26	100,17	100,17
May mặc, giày dép và mũ nón	132,12	112,59	101,33	101,33
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	160,92	106,60	99,88	99,88
Thiết bị và đồ dùng gia đình	135,02	108,15	100,36	100,36
Thuốc và dịch vụ y tế	117,67	103,17	100,02	100,02
Giao thông	149,37	107,72	99,86	99,86
Bưu chính viễn thông	88,01	99,16	99,89	99,89
Giáo dục	213,12	123,79	100,00	100,00
Văn hoá, giải trí và du lịch	131,26	112,05	100,34	100,34
Hàng hóa và dịch vụ khác	154,63	108,78	100,21	100,21
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	**228,79**	**102,78**	**97,23**	**97,23**
CHỈ SỐ GIÁ USD	**122,59**	**98,86**	**99,72**	**99,72**